

## NHẬN DIỆN CÁC GIÁ TRỊ THẨM MỸ VÀ GIÁO DỤC TRONG KHO TÀNG DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ CỦA NGƯỜI MNÔNG

Nguyễn Anh Bằng

Bảo tàng tỉnh Đắk Nông

Email: anhbangbtdn@gmail.com

**Tóm tắt:** Người Mnông gồm nhiều nhóm địa phương như Rlăm, Kuênh, Chih, Díp, Preh, Gar, Nong, Prâng, Bu Nong, ... Đồng bào cư trú tập trung ở các tỉnh Đắk Nông, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Phước, ... Ở người Mnông, ngoài văn hóa phi vật thể như dân ca, dân vũ, sử thi (ot ndrong), lễ hội cổ truyền, không gian văn hóa công chiêng..., thì di sản văn hóa vật thể bao gồm công cụ lao động, đồ trang sức, thổ cẩm, các loại nhạc cụ cổ truyền... có giá trị thẩm mỹ và giáo dục truyền thống. Những giá trị ấy có ý nghĩa thiết thực trong thực tiễn, nhất là công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số hiện nay.

**Từ khóa:** Giá trị, thẩm mỹ, giáo dục, di sản văn hóa, dân tộc Mnông.

**Abstract:** The Mngong people include many local groups such as Rlam, Kuanh, Chih, Dip, Preh, Gar, Nong, Prang, Bu Nong, ... They reside mainly in the provinces of Dak Nong, Dak Lak, Lam Dong, Binh Phuoc, ... In addition to their intangible culture such as folk songs, folk dances, epics (ot ndrong), traditional festivals, gong cultural space, the tangible cultural heritage of the Mngong including of labor tools, jewelry, brocade, traditional musical instruments... which has traditional aesthetic and educational values. These values have practical significance in practice, especially in the conservation and promotion of cultural heritages of ethnic minorities nowadays.

**Keywords:** Value, aesthetics, education, cultural heritage, Mngong people.

Ngày nhận bài: 18/10/2021; ngày gửi phản biện: 2/11/2021; ngày duyệt đăng: 28/11/2021.

### Mở đầu

Giá trị thẩm mỹ và giáo dục được xem là hệ thống những quan điểm đánh giá của con người về tự nhiên, xã hội và tư tưởng theo cái hay, cái đẹp, cái tốt. Nói tổng quát là tổng thể giá trị chân, thiện, mỹ, giúp khẳng định và nâng cao bản chất sự vật, hiện tượng. Giá trị được bàn đến ở đây là giá trị xã hội, chuẩn mực đạo đức, kinh nghiệm thực tiễn và bản sắc văn hóa truyền thống (Ngô Đức Thịnh chủ biên, 2010, tr. 21-23). Quan điểm nhận diện giá trị thẩm mỹ và giáo dục là dựa trên những cái đẹp vượt trội trong nội hàm các giá trị văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng và tâm linh của di sản văn hóa.

Hiện vật dân tộc hay hiện vật văn hóa là loại hình di sản văn hóa của các tộc người, được xem là đối tượng nghiên cứu, thu thập và hoạt động của các Bảo tàng nói chung và Bảo tàng Dân tộc học nói riêng. Trong đó hiện vật văn hóa của người Mnông là nguồn sử liệu vật chất, minh chứng cho tinh thần sáng tạo tinh tế của tư duy con người trong quá trình hình thành, sinh tồn và phát triển xã hội.

Trong khuôn khổ nghiên cứu này, bài viết mong muốn nhận diện các giá trị thẩm mỹ và giáo dục của hiện vật văn hóa, góp phần làm sáng tỏ nội hàm tiềm tàng bên trong di sản văn hóa vật thể và góp phần tích cực trong hoạt động phát huy di sản văn hóa của người Mnông. Để nêu bật được các quan điểm và nhận diện giá trị hiện vật văn hóa của người Mnông, bài viết sử dụng phương pháp khảo sát thực địa tại các bon làng người Mnông; tiếp cận hiện vật văn hóa trong kho bảo quản, gian trưng bày hiện vật của Bảo tàng tỉnh Đắk Nông; và tham khảo các công trình khoa học đã công bố.

## **1. Giá trị thẩm mỹ**

### ***1.1. Giá trị thẩm mỹ thể hiện ở hình thức bên ngoài hiện vật (di sản) văn hóa***

- *Giá trị thẩm mỹ thể hiện qua nghệ thuật điêu khắc tượng nhà mồ*: Nghệ thuật điêu khắc trên các bức tượng nhà mồ ở những ngôi mộ truyền thống được nghệ nhân người Mnông thể hiện khá sinh động về cuộc sống đời thường. Các hình tượng được phác họa đa sắc, kích cỡ chiều cao tương ứng với người đương đại, nhiều kiểu dáng được tạo tác với tư thế giống động tác người đang hoạt động như: bế con, địu con, ngồi suy tư, ngắm cảnh vật,... Đặc biệt là đề tài phồn thực được thể hiện khá rõ nét, táo bạo, mạnh mẽ như tượng nam giới khỏa thân với bộ phận sinh dục cường tráng; hình phụ nữ không quần áo, phụ nữ mang thai,... So sánh với các tác phẩm điêu khắc khác thì nhiều chi tiết trên tượng chưa thể hiện tỉ mỉ theo từng phần như những tác phẩm tượng của người Kinh hay người Chăm (chưa thể hiện tóc, lông mày, lông mi, các đường nét nhỏ nhặt trên cơ thể của sự vật...), nhưng đã phác thảo khá độc đáo về kiểu dáng, phong phú và sinh động về các chủ đề trong cuộc sống.

Người Mnông thường tạc tượng con voi, con công, các loại đồ vật... trên ngôi mộ truyền thống. Mỗi nhóm Mnông có phong cách tạc tượng với những chủ đề độc đáo. Người Mnông Kuênh tạc tượng tròn voi đứng trên ché; người Mnông Preh tạo các mô típ voi cách điệu, như đôi chim công đậu trên cặp ngà voi, cặp ngà voi gắn trên nồi đồng, cặp ngà voi và rau dớn,... Ngà voi biểu hiện sự hùng mạnh, nồi đồng nói lên sự no ấm, chim công biểu đạt vẻ đẹp rực rỡ, mỹ miều. Ngà voi toát lên được sự hài hòa với đường nét, hình khối thon thả và mạnh mẽ. Điều này cho người xem cảm nhận các nghệ nhân Mnông đã lựa chọn những chi tiết quan trọng trên hình thể con vật để tạo nên các hình ảnh sắc sảo, gần gũi và giá trị (Vũ Khánh, 2011, tr. 166).

- *Giá trị thẩm mỹ thể hiện qua kiểu dáng, phong cách sản phẩm*: Các hiện vật văn hóa của người Mnông có kiểu dáng khá độc đáo, đó là ngoại hình thon, gọn, trông khá đẹp mắt.

Điền hình như trong tạo tác thuyền độc mộc thì người Mnông thường tạo tác nhỏ và gọn gàng hơn thuyền độc mộc của người Ê Đê (Ê-đê), thường thi “Hình dáng dài từ 4 - 5 mét, lòng hẹp đáy rộng khoảng 15cm, sức chứa chỉ từ 2 đến 4 người” (Linh Nga Niê Kdam, 2014, tr. 82). Do đó, phong cách dáng vóc thuyền độc mộc của người Mnông khá thon thả, xinh xắn, nhẹ nhàng, gắn gũi với ao hồ, sông suối khi đánh bắt thủy sản. Với kích thước thanh mảnh nên thuyền của người Mnông ít tạo sóng nước to, lướt nhanh, cơ động hơn khi câu cá hoặc đánh bắt thủy sản.

Ngoài ra, kiểu dáng các sản phẩm văn hóa truyền thống luôn được nghệ nhân Mnông dành nhiều thời gian chế tác, thể hiện sự công phu, chau chuốt, tỉ mỉ của người thợ, như đầu thuốc, dao, gùi đựng tài sản của gia đình... được chế tác tinh xảo, đẹp mắt. Chiếc trống cái (*gâr*) của người Mnông luôn được người thợ khoét lỗ, đục đẽo chau chuốt và nhỏ gọn, tiện cho việc bung bê, di chuyển; mặt trống trung bình từ 60cm đến 80cm, kích thước nhỏ hơn so với trống cái (*h'gor*) của người Ê Đê (*h'gor* của người Ê Đê là loại trống lớn ở Tây Nguyên, trung bình từ 80cm đến 1m, có những cái đạt từ 1,1m đến 1,3m; việc bung bê, dịch chuyển khó khăn vì kích thước lớn, trọng lượng nặng)<sup>1</sup>.

- *Giá trị thẩm mỹ thể hiện qua hoa văn trang trí:* Trên sản phẩm thổ cẩm và các sản phẩm gia dụng, người Mnông đã phác họa vô số động vật, thực vật, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên... thành đề tài sinh động để chọn lựa, đưa vào sản phẩm truyền thống của mình. Điền hình như các họa tiết hoa văn về động vật (con ếch, còng gió, con rùa); thực vật (hạt gạo, hạt bí, hạt đậu, hoa hòe); đồ vật (chiếc thuyền, cột điện, xà gạc); hiện tượng thiên nhiên (hình núi, sóng nước, hình vuông, hình cong, hình xoáy ốc...) được người Mnông tạo tác trên trang phục, làm phong phú và tô thêm vẻ đẹp cho sản phẩm văn hóa truyền thống, thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan cũng như sự yêu mến gắn gũi với môi trường tự nhiên, cuộc sống xung quanh con người.

- *Giá trị thẩm mỹ thể hiện qua màu sắc:* Trên trang phục thổ cẩm và sản phẩm văn hóa của người Mnông có nhiều màu sắc độc đáo, làm cho người xem cảm nhận sự tinh tế trong nghệ thuật phối màu truyền thống gắn gũi với thiên nhiên và hòa quyện cùng cuộc sống của con người, cộng đồng. Cái thực thể về màu sắc được đối ứng với quan niệm quen thuộc, khá gắn gũi và dễ hiểu, dễ nhớ như màu đen là màu của đất, màu xanh là màu của trời, của cây cối xung quanh (Tô Đông Hải, 2003, tr. 110). Giá trị thẩm mỹ ở màu sắc, do tính trừu tượng của các gam màu không phức tạp nên việc nhận diện gam màu thuận lợi và dễ dàng. Ví dụ như trong trang trí thổ cẩm truyền thống trên mỗi chiếc váy hay chiếc khố, người Mnông thường sử dụng các loại màu sắc nổi bật và tương phản: đỏ - trắng, đỏ - xanh, đỏ - tím, xanh - trắng, xanh - vàng, tím - vàng, tím - trắng... đã tạo ra tác phẩm nghệ thuật độc đáo, hoàn mỹ, ấn tượng và gợi cảm.

<sup>1</sup> Số liệu kích thước bộ sưu tập trống của người Tây Nguyên tại Bảo tàng tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, theo Linh Nga Niê Kdam (2014, tr. 70), tại Đắk Lắk đã có chiếc trống da voi (trống thiêng) Ê Đê, vòng tang trống dài tới 20 gang tay, đường kính thân gỗ 1,8m, chiều cao của trống 1,4m.

## 1.2. Giá trị thẩm mỹ thể hiện ở bên trong hiện vật văn hóa

- *Nghệ thuật trầu tượng về vũ trụ quan, nhân sinh quan*: Với nền nông nghiệp nương rẫy, cuộc sống con người hòa quyện cùng thiên nhiên; mọi sự vật, hiện tượng xung quanh gần như đã trở thành chủ thể trong quan niệm, tư duy, tín ngưỡng và cách nhìn nhận phong phú của người Mnông. Trên sản phẩm thổ cẩm truyền thống, người Mnông phác họa nhiều họa tiết gần gũi với con người, như hạt bí, cây đa, núi đồi, con rùa, hạt gạo,... Họ quan niệm rằng, hạt bí là biểu trưng cho sự sinh sôi, nảy nở, sản sinh ra con người để duy trì, phát triển giống nòi, điều này có trong tín ngưỡng phồn thực ở một số tộc người thiểu số Tây Nguyên. Cây đa, núi đồi là nơi thần linh cư ngụ, cai quản, trông nom. Con rùa được liệt kê vào hệ tứ linh, là hình tượng biểu trưng cho sức mạnh sinh tồn, trường thọ của đời người. Hạt gạo là sản phẩm quý giá do trời đất ban tặng, được ví như là hạt ngọc của trời đất, nuôi dưỡng những người con trong bon làng từ bao đời nay, điều này đi kèm với hệ thống quan niệm tín ngưỡng đa thần mà thần rẫy, thần lúa được người Mnông nhắc đến nhiều nhất trong văn hóa tín ngưỡng dân gian (Tôn Thị Ngọc Hạnh - Huỳnh Ngọc Thu đồng chủ biên, 2020, tr. 117).

- *Tính thẩm mỹ về sự tôn kính, biết ơn thần linh, các bậc tiền nhân và vũ trụ quan*: Giá trị thẩm mỹ ở hiện vật cúng thần, nhất là cột cúng ở nhà mồ và cột cúng trong lễ hội (thường gọi là cây nêu) nổi lên các họa tiết hình vẽ phác thảo cách điệu cùng với cảnh vật và thiên nhiên hoang dã, diệu kỳ. Các gam màu trên lối kiến trúc này không chỉ để trang trí cho sản phẩm, tạo vẻ đẹp bên ngoài mà còn thể hiện sự tôn kính thần linh tiềm tàng bên trong hiện vật. Trên các cột cúng thần, người Mnông thường chế tác thêm một ngôi nhà sàn thu nhỏ, đan bằng tre nứa khá xinh xắn; đây là vị trí trang trọng, cao quý nhất mà người Mnông dành cho các thần linh và linh hồn tổ tiên trú ngụ (Linh Nga Niê Kdam, 2014, tr. 104).

Phần lớn các tộc người ở Trường Sơn Tây Nguyên đều sử dụng bốn gam màu chủ đạo, đó là màu đen (hoặc chàm) để làm nền vải; màu đỏ, vàng, trắng dùng đan cài tạo tác các loại hoa văn. Màu đen, màu chàm tượng trưng cho đất đai, nuôi dưỡng và gắn với cả cuộc đời con người, với thiên nhiên đất mẹ. Màu đỏ là lửa, máu, sự sống, khát vọng, đam mê. Màu đỏ còn là tượng trưng cho sức mạnh con người, của các hiệp sĩ, các vị thần, các chiến binh và bày tỏ lòng biết ơn, tôn kính thần linh; là máu vật hiến sinh, biểu tượng vật chất, của cải dâng lên hiến tế thần; thể hiện nghĩa cử cao đẹp đối với các bậc tiền nhân và cách đối đãi của họ. Màu vàng là tượng trưng cho ánh sáng mặt trời và là sự kết hợp hài hòa giữa con người với thế giới tự nhiên xung quanh (Linh Nga Niê Kdam 2014, tr. 119)<sup>2</sup>.

- *Nét đẹp thẩm mỹ về tính chất phác và nghệ thuật tinh hoa kết tinh qua nhiều thế hệ*: Sản phẩm văn hóa truyền thống của người Mnông là sự kết hợp giữa bản sắc văn hóa cổ truyền và trình độ kỹ thuật tinh tế của người nghệ nhân, kết tinh tinh hoa qua nhiều thế hệ để lại. Không chỉ có ý nghĩa về mặt hình thức, dáng vóc, vẻ đẹp bên ngoài mà còn phản ánh

<sup>2</sup> Một số tài liệu cũng như thực tiễn kết quả hoạt động sưu tầm tại các bon (buôn) cho thấy người Mnông, Ê Đê, Mạ đều có quan niệm tương đồng về màu sắc.

sinh động đời sống, ước vọng của con người, chứa đựng sâu sắc bản chất, cốt cách của cư dân nông nghiệp từ bao đời nay. Những nông cụ lao động thô sơ (rìu, rựa, xà gạc, thuổng, gậy chọc lỗ tra hạt...); những con còng, con thú, sóng nước, hiện tượng sấm sét, rừng núi... được phác họa đơn sơ, cách điệu, in đậm trên từng sản phẩm văn hóa truyền thống. Mặc dù không cầu kỳ, tỉ mỉ như các sản phẩm văn hóa của nhiều dân tộc khác nhưng những hiện vật này làm cho người xem liên tưởng đến tính chất phác, cần mẫn, giản dị, mộc mạc của các cư dân vùng Nam Trường Sơn cổ kính được chuyển tải qua nhiều thế hệ.

Có thể khẳng định, nếu không có bàn tay khéo léo và óc sáng tạo của con người thì không thể có được sản phẩm văn hóa độc đáo. Từ bàn tay người phụ nữ Mnông, thông qua công đoạn đan dệt đã tạo ra những bộ áo váy mặc hằng ngày, làm đẹp cho mình, người thân và cộng đồng. Nhiều bộ váy áo, tấm khăn có màu sắc rực rỡ trong những ngày cưới hỏi, lễ hội truyền thống ở bon làng. Những đường nét hoa văn trang trí trên trang phục truyền thống thể hiện tính nghệ thuật tạo hình độc đáo; tư duy thẩm mỹ, trí tuệ sáng tạo trong nghệ thuật đan dệt của cư dân Mnông; những giá trị tinh tế ấy là sự kết tinh từ nhiều thế hệ trước được lưu truyền, tồn tại vĩnh hằng cho đến ngày nay.

- *Nét đẹp nghĩa tình sâu nặng với thế giới bên kia*: Như nhiều dân tộc thiểu số Tây Nguyên, người Mnông luôn quan niệm, chết không phải là hết mà đó là sự chuyển giao giữa hai thế giới đời người ai cũng phải trải qua. Do đó, người Mnông nhóm Rlăm cho rằng, con mắt của mặt trời trên quan tài người chết là tượng trưng cho người quá cố, dù chết nhưng tình cảm vẫn nồng nàn như ánh mặt trời ban mai, luôn soi sáng, sưởi ấm trái tim và tâm hồn của những người thân trong gia đình, dòng họ, xóm làng. Họ cũng quan niệm người chết đã từng sống trong ngôi nhà như thế nào, lợp mái bằng lá gì thì khi chết đi ngôi nhà của họ (quan tài) cũng được trang trí bằng những thứ đó, nên các hoa văn vẽ ở phần giữa quan tài mô phỏng những lá cây, lá cọ đã từng lợp trên mái nhà để khi về thế giới bên kia họ có những sản phẩm đẹp đẽ như khi đang sống ở trần gian (Linh Nga Niê Kdam, 2014, tr. 220). Tính thẩm mỹ còn được thể hiện qua màu sắc phản diện của cuộc sống đời thường: màu đen trên hình trắng khuyết ở quan tài người quá cố gọi lên sự tang thương, ảm đạm bao trùm không gian của gia đình và bon làng; là màu của sự tối tăm gọi lên những điềm xấu, sự chết chóc tang thương. Người Mnông thường sử dụng hình trắng khuyết để tượng trưng cho thế giới bên kia của người quá cố, thể hiện nghĩa tình sâu nặng, sự xót thương của người sống với người đã khuất, sự quyến luyến không muốn người thân rời xa gia đình, bon làng, dòng tộc. Trong hệ thống “kiến trúc và trang trí nhà ở, nhà mồ đã mang lại vẻ đẹp riêng cho thế giới người sống và thế giới người chết, đặc biệt là với người chết, vừa làm tăng thêm vẻ linh thiêng, bí ẩn, vừa làm rộn lên vẻ tung bừng, sống động của niềm vui, ước vọng tái sinh trong nghi lễ bỏ mả” (Ngô Đức Thịnh, 1995, tr. 196).

- *Nét đẹp về sự lan tỏa kết nối cộng đồng*: Nhiều sản phẩm văn hóa có ý nghĩa và giá trị tinh thần để tôn vinh và kết nối tình cảm giữa cá nhân với cá nhân, giữa gia đình với gia

đình, giữa bon làng này với bon làng khác, tạo mỗi đoàn kết keo sơn, tình nghĩa, đùm bọc và sẻ chia cho nhau. Trong lễ thức đâm trâu (*Tâm nghệ*), khi đón khách về thì cả nam và nữ đánh chiêng, dựng cây nêu; trong khi đâm trâu, hai dàn chiêng của bên chủ và bên khách đều nổi lên sóng động, làm cho không gian nghi lễ, buổi gặp gỡ được thân mật, thể hiện tình cảm và tinh thần lạc quan. Trong buổi lễ, chén rượu *rlung* cũng được xem như là vật không thể thiếu, minh chứng cho tình cảm, nghĩa cử sâu nặng giữa chủ nhà với khách quý: “Ăn cơm xong cúng chén *rlung* với huyết trâu. Cúng chén *rlung* xong chủ nhà và khách cùng nhau uống rượu đến sáng hôm sau” (Tô Đông Hải, 2003, tr. 130-131). Như vậy, chiêng, chén, cây nêu và nhiều vật dụng khác đều có giá trị kết nối con người lại với nhau trong cộng đồng bon làng, rộng hơn nữa là cộng đồng giữa các bon, buôn; là cầu nối để người Mnông xích lại gần nhau, chia sẻ ngọt bùi, đoàn kết, lan tỏa kết nối cộng đồng, xã hội.

## 2. Giá trị giáo dục

- *Tính giáo dục truyền nghề*: Sản phẩm văn hóa truyền thống của người Mnông đã tạo cho con cháu của họ sự tiếp nối, lưu truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, có tính giáo dục truyền nghề từ đời ông, đời cha, đời con rồi đến đời cháu như bao nghề truyền thống của các dân tộc Việt Nam. Để có sản phẩm văn hóa thì vai trò truyền nghề đã trở thành nghĩa vụ, trách nhiệm giáo dục “cha truyền con nối” đối với mỗi gia đình, dòng tộc. Các sản phẩm văn hóa được người Mnông ngày nay lưu truyền qua nhiều thế hệ, tồn tại vĩnh hằng với thời gian. Tuy số nghệ nhân thành thạo nghề truyền thống có phần hơn trước, nhưng ở hầu hết các bon làng đều có người biết làm nghề truyền thống, bon nào cũng có thành viên biết dệt vải, đan lát, hay chế tác công cụ lao động, vật dụng sinh hoạt.

Trong truyền thống, khi xã hội của người Mnông vẫn ở trong môi trường kinh tế chủ yếu tự cung, tự cấp, tương đối biệt lập giữa núi rừng thì trẻ em dù trai hay gái, đến độ tuổi nhất định, người lớn sẽ có trách nhiệm truyền dạy làm các sản phẩm truyền thống để tiếp tục nghĩa vụ, đảm bảo cuộc sống của bản thân và cả gia đình nhỏ lẫn đại gia đình lớn, rồi rộng hơn nữa là với cộng đồng. Theo sự phân công lao động truyền thống: con gái sẽ được bà, mẹ hay chị và người thân dạy làm các sản phẩm như: vải, chiếu, đồ gốm; con trai sẽ được ông, cha, hay anh và người thân dạy làm nỏ, ná, cung tên, bẫy thú (Bảo tàng tỉnh Đắk Nông, 2018). Như vậy, trong sinh hoạt đời thường, muốn có các công cụ để phục vụ nhu cầu cuộc sống và duy trì được cho các thế hệ sau thì đòi hỏi con cháu phải biết tiếp cận với nghề truyền thống cha ông để chế tác các sản phẩm văn hóa phục vụ bản thân, gia đình và cộng đồng; tính giáo dục truyền nghề cũng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn ấy.

Trong xã hội truyền thống của người Mnông, ngay từ khi mới sinh được 6 đến 7 mùa rẫy (6-7 tuổi), người con trai đã được cha truyền dạy chế tạo những vật dụng gia đình; bước đầu chỉ là phụ việc xếp nan, tước mây, chẻ tre rồi đến tập làm những vật dụng đơn giản như lò bắt cá, hoặc những chiếc gùi thưa nóng... dần dần càng thông thạo hơn và cùng ông, cha,

anh chế tác các vật lớn nhỏ trong gia đình. Giỏi nghề thủ công truyền thống cũng là một trong những tiêu chuẩn đánh giá sự giáo dục truyền nghề của gia đình đối với các chàng trai (làm nương rẫy, săn bắt, chiến đấu, chế tác nhạc cụ, công cụ lao động, đan lát...) để các cô gái chọn làm chồng vì chăm lo được cho cuộc sống gia đình và cộng đồng (Linh Nga Niê Kdam, 2014, tr. 252).

- *Giáo dục đức tính cần cù trong lao động*: Hiện vật văn hóa của người Mnông thể hiện được phần lớn sinh hoạt đời thường, tín ngưỡng, tôn giáo và các giá trị tâm linh. Hiện vật được phác họa hình ảnh thực tế từ thiên nhiên, con người; các sinh hoạt đời thường như hình người giã gạo, người săn thú, người cồng con, người đu con... nhằm giáo dục con cháu cần cù lao động, cần mẫn trong công việc để tạo ra của cải vật chất nuôi sống mình, gia đình, bon làng và làm giàu cho cộng đồng; giáo dục tinh thần đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau để có cuộc sống an lành, hạnh phúc.

- *Giáo dục tinh thần yêu nước; anh dũng, kiên cường, bất khuất*: Một số hiện vật văn hóa minh chứng cho sức mạnh quật cường của tộc người trong từng giai đoạn lịch sử. Trong xã hội truyền thống, khi bon làng xảy ra chiến tranh thì các loại công cụ như dao, nỏ, ná, xà gạc, giáo, mác... cũng là vũ khí đánh giặc của người Mnông. Những sản phẩm văn hóa lúc này đã trở thành hiện vật gắn với sự kiện lịch sử chống giặc, minh chứng cho sức mạnh quật cường của cha ông; khi được sưu tầm và trưng bày tại các nhà truyền thống, ở các bảo tàng địa phương thì có giá trị và chức năng giáo dục thế hệ trẻ về tinh thần yêu nước, anh dũng, kiên cường, bất khuất. Bên cạnh đó, hệ thống hiện vật văn hóa như đàn đá, cồng chiêng, kèn *m'buât*, tù và, ché rượu cần, các trang phục truyền thống... luôn có mặt trong các lễ hội. Nội dung lễ hội ngoài việc thể hiện phong phú về cốt cách văn hoá, phong tục tập quán, thì còn phản ánh tinh thần đấu tranh anh dũng của người Mnông, là phần hồn sinh động làm sống lại tinh thần đấu tranh cho thế hệ sau với những tấm gương của các anh hùng dân tộc; giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, noi gương các tù trưởng chiến đấu vì sự bình an của bon làng (Bảo tàng tỉnh Đắk Nông, 2007).

- *Giáo dục đức tin, giá trị nhân văn, bảo lưu bản sắc văn hóa truyền thống cha ông*: Trong nghệ thuật trang điểm truyền thống của người Mnông, đồ trang sức không chỉ có chức năng thẩm mỹ, trang điểm, làm đẹp cho nam nữ, mà còn là biểu hiện vật làm tin, đảm bảo cho một lời hứa quan trọng nào đó; nó đã vượt lên trên tính nghệ thuật công dụng thường ngày để mang thêm chức năng xã hội, chức năng giao ước cộng đồng mà cụ thể là chức năng giao ước giữa con người với con người. Thông qua đồ trang sức đã tạo cho con người có niềm tin thống nhất giao kèo một điều gì đó trong cuộc sống đời thường. Niềm tin này cũng là phạm trù đạo đức luôn hiện hữu trong mỗi người con Mnông, nó được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, lấy chuẩn mực đạo đức xã hội làm nền tảng mà cầu nối là sản phẩm văn hóa truyền thống qua đồ trang sức, như vòng đồng, vòng bạc... dùng để đeo tay. Như vậy, sản phẩm trang sức không chỉ có chức năng làm đẹp mà còn để giáo dục thế hệ

con cháu tôn trọng nghĩa tình, giữ vững niềm tin trong sinh hoạt cộng đồng, gia tộc (Linh Nga Niê Kdam 2014, tr. 187).

Trong truyền thống, các trang phục tự tay cô dâu dệt là kỷ vật thể hiện sự khéo léo, sáng tạo có ý nghĩa, giá trị cho cặp vợ chồng mới cưới,... Vì vậy, từ khi sinh ra cho đến khi trưởng thành, đã là gái đều phải biết dệt vải; được người chị, người mẹ, người thân chỉ dạy cho cách tạo ra các sản phẩm đẹp phục vụ cho bản thân, gia đình. Tấm vải đẹp là yếu tố quan trọng để đánh dấu sự trưởng thành của người con gái, là tiêu chuẩn để các cô gái đi tìm chồng và chứng tỏ được giá trị về chiều sâu tâm hồn cũng như những chuẩn mực đạo đức, cốt cách của người con gái.

Trong nghi lễ truyền thống, một số hiện vật văn hóa được người Mnông xem là sản phẩm quan trọng không thể thiếu trong lễ nghi, nhằm định hình, minh chứng cho sự hiện diện và trường tồn của các thành viên trong gia đình, dòng họ. Chẳng hạn trong lễ cúng mừng năm mới, người Mnông sử dụng các loại ché làm biểu tượng cho con cái của gia đình mình. Trong buổi lễ, các gia đình chuẩn bị các ché rượu cúng tương ứng với số con cái trong nhà. Nếu gia đình có năm con thì chuẩn bị năm ché rượu, nếu có bảy con thì chuẩn bị bảy ché rượu. Khi tiến hành lễ, người ta buộc năm hoặc bảy ché rượu thành một hàng chạy dọc giữa nhà. Ché ở giữa bắt buộc phải là *chum rlung*. Ché này được xem như là người con gái đầu hoặc người con gái út, bởi ngoài bố mẹ thì con gái có vai trò quan trọng nhất trong gia đình. Lúc này “người con đầu hoặc con út nếu là con gái, phải cầm cần rượu ở ché rượu *rlung* vì con gái đầu hoặc út sẽ là người giữ nhà và của cải của cha mẹ sau này” (Tô Đông Hải 2003, tr. 128-130). Như vậy bên cạnh giá trị vật chất thì hiện vật văn hóa cũng được người Mnông gán cho vị trí thứ bậc nhất định, thậm chí là vị trí cao nhất như là người con gái đầu lòng (đó là *chum rlung*); có giá trị giáo dục thuần phong mỹ tục, nề nếp trên dưới theo gia phong của dòng tộc.

Bên cạnh đó, khi mùa màng đã xong hay sau một ngày lao động nương rẫy, đêm đến, cả gia đình ngồi quanh ché rượu cần cùng nhâm nhi hương rượu. Khi đã lên men nồng, người trưởng thành trong gia tộc hưng phấn hát kể *Yao* (*Yao* là hình thức gia phả dòng họ bằng văn vần khá độc đáo) để con cháu hiểu biết về dòng họ mình có gốc gác, cội nguồn xa xưa, trường tồn cùng trời đất cho đến tận ngày nay. Điều này vừa giáo dục con cháu quý mến, tôn trọng tổ tiên, những người đã sinh thành ra mình và cũng để răn dạy con cháu nhận biết những thành viên cùng huyết tộc để có đạo lý ứng xử, xưng hô phù hợp và cũng để tránh tội loạn luân trong gia tộc, huyết thống (Ngô Đức Thịnh, 1995, tr. 160).

- *Giáo dục tinh thần tương thân tương ái, kinh nghiệm thực tiễn*: Các sản phẩm văn hóa của người Mnông như dàn cồng chiêng, trống, ché rượu cần, kèn *m'buat*, cây nêu... là nơi để con cháu, già trẻ, gái trai hội tụ khi bon làng có hội họp, sự kiện trọng đại, khi cúng mừng lúa mới,... Họ tổ chức ăn mừng, gặp gỡ, giao lưu, hát hò, nhảy múa, thưởng thức rượu cần và kể cho con cháu nghe sử thi *ot ndrong* về cách sống, cách làm ăn, tình làng, nghĩa xóm, giúp đỡ, tương thân tương ái trong cộng đồng; tạo môi trường sinh hoạt văn hóa

để thế hệ nghệ nhân có tuổi truyền dạy, giáo dưỡng, bảo ban con cháu những kinh nghiệm, giá trị truyền thống, văn hóa, đạo đức và lối sống.

### **Kết luận**

Giá trị thẩm mỹ và giáo dục là hai trong nhiều tiêu chí để khẳng định vai trò, tiềm năng và giá trị của di sản văn hóa cũng như các hiện vật văn hóa của người Mnông. Trong công tác quảng bá, trưng bày, triển lãm, tuyên truyền thì việc nhận diện tích cực, khoa học về giá trị thẩm mỹ và giá trị giáo dục là cần thiết để có cơ sở truyền bá kiến thức, thông tin từ hiện vật đến người xem, chuyển tải những thông điệp cần thiết từ di sản đến khách tham quan, du lịch, tạo sự hấp dẫn và thu hút được người xem. Giá trị thẩm mỹ và giáo dục của hiện vật văn hóa nếu được nghiên cứu và lột tả kỹ lưỡng sẽ phần nào giải mã và làm sáng tỏ được “ký ức” chủ quan của thế hệ cha ông, giúp thế hệ trẻ tiếp cận di sản văn hóa một cách sâu sắc hơn.

Trong những năm gần đây, cùng với công tác bảo tồn, phát huy các di sản vật thể cũng như những hiện vật văn hóa của người Mnông, ngoài hoạt động sưu tầm, tư liệu hóa, trưng bày..., Bảo tàng tỉnh Đắk Nông đã chủ động nhận diện sâu sắc hơn về giá trị di sản văn hóa trong đó có giá trị thẩm mỹ và giá trị giáo dục của hiện vật; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu về nội hàm của các giá trị này đưa vào vận dụng cho các khâu công tác khác. Điều này đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, nhất là nội dung thuyết minh phục vụ khách tham quan tại Bảo tàng và các điểm di tích có chiều sâu và sinh động hơn; nhiều hồ sơ sưu tầm hiện vật văn hóa cũng được bổ sung thông tin về ý nghĩa, giá trị đầy đủ, lô gích và khoa học.

Tuy được đánh giá là di sản văn hóa tiêu biểu, có ý nghĩa và tầm quan trọng của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên, song điều đáng quan ngại là giờ đây do nhiều nguyên nhân khác nhau, các hiện vật văn hóa của người Mnông đang dần bị mất mát. Một số nghệ nhân không còn mặn mà với việc chế tác công cụ, nhạc cụ và làm nghề truyền thống dẫn cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của người Mnông những năm gần đây được Đảng và Nhà nước quan tâm; nhiều đề án, chương trình trọng điểm cấp tỉnh và quốc gia đã được thực hiện, mang lại kết quả khả quan, nhất là tại địa bàn tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk nơi có số lượng lớn dân số Mnông cư trú. Nếu để các hiện vật văn hóa mất dần, không còn tồn tại trong các bon làng Mnông truyền thống thì cùng nghĩa với nhiều giá trị tinh thần, tâm linh, tín ngưỡng, phong tục tập quán cổ truyền tồn tại song hành với nó cũng có nguy cơ mai một.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông (2020), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông năm 2019*.
2. Bảo tàng tỉnh Đắk Nông (2007), *Lý lịch Di tích lịch sử các địa điểm phong trào đấu tranh chống Pháp của đồng bào Mnông do N'Trang Long lãnh đạo*, Tài liệu đánh máy lưu tại Phòng Bảo tồn, Bảo tàng tỉnh Đắk Nông.

3. Bảo tàng tỉnh Đắk Nông (2018), *Lý lịch hiện vật*, Tài liệu sưu tầm ở cơ sở được đánh máy đang lưu tại kho Bảo tàng tỉnh Đắk Nông.
4. Tô Đông Hải (2003), *Nghi lễ và âm nhạc cổ truyền của người Mnông*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Tôn Thị Ngọc Hạnh - Huỳnh Ngọc Thu (Đồng chủ biên, 2020), *Nghiên cứu, Bảo tồn và phát huy nghề dệt thổ cẩm của các tộc người thiểu số ở tỉnh Đắk Nông*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Linh Nga Niê Kdam (2014), *Nghề thủ công truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Vũ Khánh (2011), *Người Mnông ở Việt Nam*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.
8. Ngô Đức Thịnh (1995), *Văn hóa dân gian Mnông*, Sở Văn hóa Thông tin Đắk Lắk.
9. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên, 2010), *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.



Nghệ nhân Mnông ở tỉnh Đắk Nông biểu diễn cồng chiêng

Ảnh: Bảo tàng tỉnh Đắk Nông, chụp năm 2020